TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Tường Vi.

2. Bà Lê Thị Lan Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 240/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2026 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Xuân H, sinh năm 1950. Hộ khẩu thường trú: Số 49 đường B, phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở hiện nay: 37/8 P, phường E, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Đặng Kim B, sinh năm 1960. Hộ khẩu thường trú: 340/5 khu phố 4A, thị trấn D, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 25/5/2023, bản tự khai đề ngày 25/5/2023 của nguyên đơn (ông H) trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông H và bà B chung sống với nhau từ năm 2018, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương vào ngày 15/11/2018. Quá trình chung sống với nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc

sống quá tẻ nhạt và mệt mỏi, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện vợ chồng ly thân đã lâu, chính quyền địa phương nơi cư trú của ông H có xác nhận về tình trạng ông H hiện đang cư trú, sống một mình tại địa phương, không có vợ con chung sống cùng. Thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nên ông H làm đơn xin được ly hôn với bà B.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống không có con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn ông H giao nộp: Bản chính đơn xin ly hôn; bản tự khai ngày 25/5/2023; 01 bản chính giấy chứng nhận kết hôn và bản chính giấy xác nhận tình trạng sinh sống của nguyên đơn tại nơi cư trú.

** Đối với bị đơn:*

Trong quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho bị đơn biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Ngày 05/9/2023, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

** Xác minh và làm việc của Tòa án:*

Ngày 01/8/2023, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh đối với ông Hà Kim Hòa (trưởng khu phố 4A) xác định: Bà B có hộ khẩu thường trú tại số 340/5 khu phố 4A, thị trấn D, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì ông Hòa không rõ vì vợ chồng ông H và bà B không sinh sống tại địa phương sau khi kết hôn.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông H, bị đơn bà B có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử, căn cứ quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà B theo quy định.

[2] Nguyên đơn ông H khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn bà B. Bà B có hộ khẩu thường trú tại số 340/5 khu phố 4A, thị trấn D, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn" theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà B chung sống với nhau từ năm 2018, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương vào ngày 15/11/2018. Hôn nhân giữa ông H và bà B đã thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, hiện vợ chồng không còn tình cảm và đã không còn chung sống với nhau.

Xét thấy, quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập các bên đương sự để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Điều này cho thấy bị đơn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với nguyên đơn, nguyên đơn cũng kiên quyết xin ly hôn. Từ lời khai của nguyên đơn, sự không thiện chí của bị đơn và kết quả xác minh cho thấy bị đơn biết nguyên đơn nộp đơn xin ly hôn nhưng không có ý kiến. Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông H được ly hôn với bà B theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Đương sự tự khai không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Tài sản chung, nợ chung: Ông H không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông H thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Hoàng Xuân H và bà Đặng Kim B.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Xuân H được ly hôn với bà Đặng Kim B.

- Về con chung: Đương sự tự khai không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Hoàng Xuân H không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Hoàng Xuân H được miễn nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Lan

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Trần Ngọc Tường Vi **Lê Thị Lan Phương**

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Lan